XÂY DỰNG, HOÀN THIỆN NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN TRONG BỐI CẢNH PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM VÀ NHỮNG VẤN ĐỀ PHÁP LÍ ĐẶT RA

ĐỖ ĐỨC MINH *

Tóm tắt: *Trong công cuộc đổi mới đất nước hiện nay, nhiệm vụ xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam với ý nghĩa là một phương thức tổ chức và vận hành quyền lực nhà nước dựa trên thượng tôn Hiến pháp và pháp luật, vì con người, công nhận, tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân trở thành nhiệm vụ chiến lược. Bên cạnh đó, phát triển bền vững với tính chất của một quá trình chuyển đổi xã hội đã trở thành tư tưởng chủ đạo đang chi phối đời sống chính trị đương đại và cũng là mục tiêu của chủ nghĩa xã hội. Bài viết nhận diện, phân tích quá trình hình thành, phát triển tư duy của Đảng Cộng sản Việt Nam về nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; bối cảnh, nội dung, yêu cầu của phát triển bền vững; mối quan hệ giữa hai mục tiêu, nhiệm vụ chiến lược này và gợi mở một số vấn đề pháp lí nhằm góp phần xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam và bảo đảm sự phát triển bền vững hiện nay.*

Từ khoá: Nhà nước pháp quyền; xã hội chủ nghĩa; phát triển bền vững; Việt Nam

Nhận bài: 13/10/2025 Hoàn thành biên tập: 25/02/2026 Duyệt đăng: 25/02/2026

BUILDING AND IMPROVING THE SOCIALIST RULE-OF-LAW STATE IN THE CONTEXT OF SUSTAINABLE DEVELOPMENT IN VIETNAM AND ARISING LEGAL ISSUES

Abstract: *In the context of Vietnam's reform process, the task of building the "Socialist Rule-of-Law State of Vietnam" - understood as a mode of organising and exercising state power based on the supremacy of the Constitution and the law, for the people, recognising, respecting, ensuring, and protecting human rights and citizens' rights - has become a strategic mission. Meanwhile, sustainable development, as a comprehensive process of social transformation, increasingly serves as the guiding principle for shaping contemporary political life and represents a fundamental goal of socialism. From this perspective, the article analyses the evolution of the Communist Party of Vietnam's thinking on a socialist rule-of-law state, clarifies the context, content, and requirements of sustainable development, identifies the relationship between these two strategic tasks, and suggests certain legal issues to be addressed so as to contribute to the building and improvement of the Socialist Rule-of-Law State of Vietnam, thereby realising the goal of sustainable development.*

Keywords: Rule-of-law state; socialism; sustainable development; Vietnam

Received: 13 October 2025; Editing completed: 25 February 2026; Accepted for publication: 25 February 2026

1. Đặt vấn đề

Ngày nay, không ai có thể phủ nhận được vai trò, chức năng của mô hình Nhà nước pháp quyền (NNPQ) trong quá trình phát triển của từng quốc gia-dân tộc. Là học thuyết về tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước, tinh hoa của nhân loại có nguồn gốc từ thời cổ đại, NNPQ có thể được áp dụng ở các nước trên cơ sở những nét đặc trưng về

* **Phó Giáo sư, Tiến sĩ, Trường Đại học Luật, Đại học Quốc gia Hà Nội. E-mail: minhdd@vnu.edu.vn**

văn hoá, chính trị, tư tưởng pháp lí, truyền thống dân tộc. Xây dựng NNPQ được xem là "chìa khoá" để giải quyết nhiều vấn đề cốt yếu liên quan đến đời sống kinh tế-xã hội của các quốc gia đương đại. Đồng thời, phát triển mà linh hồn là phát triển bền vững (PTBV) với tính chất của một quá trình chuyển đổi xã hội đã trở thành tư tưởng chủ đạo đang chi phối đời sống chính trị đương đại và cũng là mục tiêu của chủ nghĩa xã hội. Ở Việt Nam, PTBV được xem là mục tiêu cốt lõi của nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa, góp phần bảo đảm sự thịnh vượng lâu dài cho đất nước. Bài viết được tác giả thực hiện dựa trên các phương pháp như: phân tích, tổng hợp, so sánh, tổng kết thực tiễn thực hiện để đáp ứng các mục tiêu đặt ra.

2. Nhà nước pháp quyền và Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Tư tưởng pháp quyền xuất hiện khá sớm gắn liền với tư tưởng phát triển dân chủ được hình thành từ thời cổ đại và được phát triển, bổ sung trong suốt chiều dài lịch sử nhân loại. Đến thời kì cận-hiện đại, tư tưởng pháp quyền đã dần hoàn thiện và được thể chế thành những mô hình tổ chức nhà nước khoa học, tiến bộ, văn minh. Đến nay, có nhiều quan niệm về NNPQ[1] như: Tác giả B. Lazarev cho rằng: *"NNPQ là nhà nước mà hoạt động của nó dựa vào luật pháp và tuân thủ thực hiện nghiêm chỉnh luật pháp và bảo vệ quyền của công dân, của các tổ chức, xí nghiệp và liên hệ tác động lẫn nhau bởi trách nhiệm pháp lí"*; đối với tác giả M. Baglai *"NNPQ là nhà nước mà ở đó là sự vươn tới tự do của loài người, là sự cố gắng một cách có ý thức ngăn chặn một nhà nước bạo lực và buộc nhà nước phải tôn trọng pháp luật và các quyền của con người"*; còn tác giả A. Vengorov thì đưa ra ý kiến: *"NNPQ là tổ chức chính trị của xã hội mà với sự trợ giúp của pháp luật tạo ra các điều kiện cho sự tồn tại và hoạt động của xã hội công dân - một xã hội bao gồm những thiết chế xã hội và các mối liên hệ xã hội để mỗi công dân và các liên hiệp của họ thực hiện tự do những khả năng lao động sáng tạo của mình"*. Như vậy, NNPQ là khái niệm bao hàm nhiều nội dung phong phú, chứa đựng nhiều mặt, nhiều vấn đề khác nhau của đời sống chính trị-xã hội và nhà nước ở những trình độ phát triển nhất định. Khi đi sâu vào một mặt, hay một khía cạnh nào đó, các nhà khoa học có thể đưa ra những định nghĩa khác nhau về NNPQ. Đồng thời, những tư tưởng và mô hình về NNPQ ở phương Tây đã phản ánh thế giới quan tiên tiến từ thời cổ đại, hàm chứa các quan điểm dân chủ tiến bộ của cách mạng tư sản, nên nó là một trong những yếu tố của nền văn minh nhân loại.

Nhìn chung, thuật ngữ "nhà nước pháp quyền" (rule of law) là mô hình nhà nước trong đó mọi biểu hiện về quyền lực của chính quyền đều có khả năng đo đếm được theo các tiêu chuẩn pháp luật và có khả năng chống lại mọi nguy cơ và ảnh hưởng xấu bằng những phương tiện tri thức để bảo đảm trật tự; cơ sở của nhà nước là ý tưởng về công lí, công bằng dựa trên sự công nhận và tiếp nhận hoàn toàn giá trị tối thượng của nhân cách con người, được bảo đảm bởi các thể chế làm khuôn khổ của trật tự tự do, dân chủ

[1] Viện Khoa học xã hội Việt Nam - Viện Thông tin khoa học xã hội (1991), *Nhà nước pháp quyền và xã hội công dân*, Nxb. Hà Nội, tr. 28 - 31.

và quyền con người, an toàn cho các công dân. Chế độ pháp quyền từ lâu đã trở thành một trong những ý niệm chung gắn với nền chính trị tốt. Tác giả F.W.J. Schelling cho rằng, chế độ pháp quyền là chế độ lí tưởng cuối cùng của nhân loại, là sự thể hiện đầy đủ tinh thần tuyệt đối (cái tuyệt đối) trong những mối quan hệ giữa con người với con người[2].

NNPQ và quyền lực tối thượng của pháp luật có ý nghĩa như nhau, là "sự thống trị, ưu thế hoặc quyền tối thượng của pháp luật" và là một thành tố của trật tự pháp lí nhằm tăng cường bảo vệ các quyền con người, quyền tự do cơ bản của cá nhân trong phạm vi quốc gia và sự phát triển của các hình thức dân chủ của chính quyền. Hiến pháp với tư cách là luật có ưu quyền tuyệt đối, việc lập pháp phải tuân thủ trật tự hiến định, ngành hành pháp và tư pháp phải tuân thủ pháp luật. Pháp luật phải được áp dụng có hiệu lực, có sức chế ngự mạnh mẽ đối với những hành động độc đoán và vi phạm pháp luật nhằm bảo vệ cá nhân bằng pháp luật trước nhà nước. Dân chủ là yếu tố tự thân của học thuyết pháp quyền và một nền dân chủ của chế độ pháp quyền chỉ hiệu quả nếu nhân dân có thể chấp hành, kiểm tra và theo dõi các quyết định của họ; nếu không (thiếu vắng dân chủ đích thực), mọi hành động sẽ chỉ là bề ngoài của bộ máy ra quyết định không được hợp pháp hoá thích đáng ở bên trong.

Qua thực tiễn tiến hành công cuộc đổi mới toàn diện đất nước, Đảng Cộng sản Việt Nam đã thấy rõ sự cần thiết phải xây dựng và thực hiện quản lí nhà nước theo hướng NNPQ. Xây dựng NNPQ xã hội chủ nghĩa là khâu trọng yếu trong đổi mới hệ thống chính trị, một mục tiêu chiến lược của sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam. Xây dựng và hoàn thiện NNPQ xã hội chủ nghĩa được đặt ra như một mục tiêu, nhiệm vụ có tính tất yếu trước yêu cầu đổi mới mạnh mẽ về phương pháp và tăng cường hiệu lực quản lí xã hội bằng pháp luật của nhà nước trong thời kì đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá, phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Mục tiêu xây dựng NNPQ xã hội chủ nghĩa Việt Nam với tư cách là phương thức tổ chức nền chính trị nhằm duy trì bản chất giai cấp công nhân, phát huy dân chủ xã hội chủ nghĩa làm cho Nhà nước thật sự trong sạch, vững mạnh, nâng cao hiệu lực quản lí nhà nước và quản lí xã hội. Kế thừa các kì đại hội trước đây, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam xác định: *"Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện NNPQ xã hội chủ nghĩa Việt Nam của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân do Đảng lãnh đạo là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị giai đoạn 2021 - 2030"*[3].

Từ nhận thức lí luận, tiếp thu có chọn lọc các giá trị phổ biến của NNPQ nói chung và từ thực tiễn lãnh đạo quá trình xây dựng NNPQ xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thông qua các văn kiện Đại hội của Đảng có thể khái quát những đặc trưng cơ bản của NNPQ xã hội chủ nghĩa Việt Nam như sau: 1) NNPQ xã hội chủ nghĩa là Nhà nước của nhân dân,

[2] Nguyễn Tiến Dũng (2006), *Lịch sử Triết học phương Tây*, Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh, tr. 423.

[3] Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, tập 1, Nxb. Chính trị quốc gia-Sự thật, Hà Nội, tr. 174.

do nhân dân và vì nhân dân; tất cả quyền lực nhà nước đều thuộc về nhân dân. 2) Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công rành mạch và phối hợp chặt chẽ giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp. 3) Nhà nước được tổ chức và hoạt động trên cơ sở Hiến pháp và pháp luật, pháp luật giữ vị trí tối thượng trong điều chỉnh các quan hệ xã hội. 4) Nhà nước tôn trọng và bảo đảm quyền con người, quyền công dân, nâng cao trách nhiệm pháp lí giữa Nhà nước và công dân, thực hành dân chủ, tăng cường kỉ cương, kỉ luật. 5) NNPQ xã hội chủ nghĩa do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Khái niệm NNPQ xã hội chủ nghĩa Việt Nam được hiểu bao gồm các yếu tố: quyền làm chủ của nhân dân; thượng tôn hiến pháp và pháp luật; tôn trọng, bảo vệ nhân quyền; quyền lực nhà nước thống nhất, có sự phân công và phối hợp kiểm soát giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp; Đảng Cộng sản Việt Nam là lực lượng duy nhất lãnh đạo nhà nước và xã hội. Đồng thời, sự khác biệt giữa quan niệm về NNPQ xã hội chủ nghĩa với nhận thức chung về NNPQ trên thế giới được thể hiện ở hai yếu tố cơ bản: 1) quyền lực nhà nước được tổ chức theo nguyên tắc tập trung và 2) chế độ chính trị xã hội chủ nghĩa.

Tiếp tục phát triển tư duy, nhận thức về NNPQ xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Hội nghị Trung ương lần thứ sáu, Ban Chấp hành Trung ương (khoá XIII) đã thảo luận và nhất trí ban hành Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện NNPQ xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới. Đây là Nghị quyết đầu tiên đề cập một cách toàn diện, tổng quát về NNPQ xã hội chủ nghĩa Việt Nam, trong đó nêu rõ mục tiêu, quan điểm, trọng tâm và các nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục xây dựng và hoàn thiện NNPQ xã hội chủ nghĩa Việt Nam, đáp ứng yêu cầu xây dựng và phát triển đất nước trong giai đoạn mới. Nội dung Nghị quyết là sự vận dụng, kế thừa, phát triển quan điểm của Chủ tịch Hồ Chí Minh, chủ trương, quan điểm của Đảng Cộng sản Việt Nam về nhiệm vụ xây dựng nhà nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Chủ trương của Đảng là vận dụng các giá trị tiến bộ của NNPQ vào xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa, chứ không phải xây dựng NNPQ có định hướng xã hội chủ nghĩa. Có thể thấy nhận thức, quan điểm của Đảng về NNPQ xã hội chủ nghĩa Việt Nam ngày càng đầy đủ, dựa trên nền tảng và kiên định chủ trương, quan điểm về mô hình nhà nước xã hội chủ nghĩa, có sự vận dụng sáng tạo, phù hợp các giá trị tiến bộ của NNPQ trên thế giới.

3. Phát triển, phát triển bền vững và những vấn đề liên quan

Phát triển là phạm trù triết học dùng để chỉ quá trình vận động của sự vật theo khuynh hướng đi lên từ thấp đến cao, từ đơn giản đến phức tạp, từ chưa hoàn thiện đến hoàn thiện hơn. Quá trình vận động đó diễn ra vừa tiệm tiến vừa nhảy vọt để đưa tới sự ra đời của cái mới thay thế cái cũ. Dưới góc độ kinh tế-xã hội, *"phát triển giờ đây được xem như một quá trình chuyển đổi xã hội, chuyển dịch từ tư duy và hình thức tổ chức xã hội, kinh tế cũ sang tư duy và hình thức tổ chức xã hội, kinh tế mới"*[4]. Trong quá trình đó, nhà nước với vị

[4] The World Bank (2000), *Tư duy mới về phát triển*

thế là trung tâm quyền lực quốc gia có vai trò quyết định trực tiếp cho quá trình phát triển. Chỉ nhà nước - người đại diện cho quốc gia mới có thể giải quyết được những khó khăn trong đời sống xã hội cũng như khả năng khơi dậy các nguồn lực của quốc gia phục vụ cho yêu cầu phát triển. Cũng chỉ có nhà nước mới có thể đưa ra những chính sách cơ bản để giải quyết các vấn đề về kinh tế-xã hội. Sự vận động của đời sống chính trị ngày càng khẳng định vai trò của nhà nước trong việc tạo lập môi trường, chính sách thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội và các chính sách đóng vai trò là chìa khoá, người dẫn đường cho sự phát triển.

PTBV là sự phát triển nhằm đáp ứng nhu cầu hiện tại và đảm bảo không làm tổn thương khả năng đáp ứng đòi hỏi của thế hệ tương lai. Đó cũng là việc thế hệ hôm nay sử dụng một cách hợp lí tài nguyên thiên nhiên nhằm thoả mãn nhu cầu, nâng cao chất lượng cuộc sống con người nhưng không làm huỷ hoại môi trường sống hoặc gây ra những thảm họa sinh thái của các thế hệ sau. Nói cách khác, đó là cách thức một quốc gia lựa chọn để có thể đáp ứng được nhu cầu phát triển (của thế hệ) hiện tại mà không làm tổn hại đến tương lai/khả năng của các thế hệ mai sau trên cơ sở kết hợp chặt chẽ, hài hoà giữa tăng trưởng kinh tế, giải quyết các vấn đề xã hội (tiến bộ xã hội) và bảo vệ môi trường. Đó là quá trình phát triển có sự kết hợp chặt chẽ, hợp lí, hài hoà giữa ba mặt gồm: 1) phát triển kinh tế (quan trọng nhất là tăng trưởng kinh tế); 2) phát triển xã hội (quan trọng nhất là thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, xoá đói giảm nghèo và giải quyết việc làm); 3) bảo vệ môi trường (quan trọng nhất là xử lí, khắc phục ô nhiễm, phục hồi và cải thiện chất lượng môi trường; khai thác hợp lí và sử dụng tiết kiệm tài nguyên thiên nhiên). Đó chính là sự tương tác và dung hoà của ba hệ thống: kinh tế (sự phát triển kinh tế-xã hội); xã hội-nhân văn (sự phát triển con người) và tự nhiên (sự khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên và môi trường), nhằm tạo ra sự thống nhất bền vững của hệ thống bao trùm "tự nhiên - con người - xã hội". Ngày nay, PTBV trở thành xu thế bao trùm trên thế giới; kinh tế số, kinh tế tuần hoàn, tăng trưởng xanh đang là mô hình phát triển được nhiều quốc gia lựa chọn[5].

Chiến lược phát triển bền vững (sustainable development strategy) là xu hướng chung của thế giới, cũng là vấn đề thời sự của Việt Nam hiện nay. Được hình thành trên cơ sở bảo đảm sự hài hoà giữa phát triển kinh tế với xã hội, PTBV đòi hỏi trong quá trình phát triển kinh tế phải đồng thời giải quyết các mâu thuẫn xã hội, tiến tới xây dựng xã hội công bằng, dân chủ, văn minh; sử dụng tài nguyên hợp lí, hiệu quả gắn với bảo vệ môi trường sinh thái nhằm nâng cao chất lượng sống cho thế hệ hiện tại và tương lai. Bởi lẽ, nếu không ngăn chặn được những xu hướng đe dọa tới chất lượng sống tương lai thì chi phí xã hội sẽ gia tăng và vấn đề trở nên không thể giải quyết được, đòi hỏi các quốc gia cần xử lí các chính sách môi trường, kinh tế và xã hội theo cách tăng cường qua lại.

Về chính sách phát triển (development

cho thế kỷ XXI, (Sách tham khảo), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 87.

[5] Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), tlđd, tr. 206.

policy), lịch sử phát triển của xã hội đã chứng minh không thể có sự phát triển kinh tế-xã hội bền vững nếu không có một chính phủ hiệu quả. Một chính phủ được xem là hiệu quả chỉ khi chính phủ đó có khả năng đề ra và thực hiện các chính sách đáp ứng những yêu cầu cơ bản cho sự phát triển của quốc gia. Bài học rút ra là *"muốn tăng trưởng lâu bền thì phải có những chính sách bền vững, đó cũng là bài học thành công cho sự cất cánh của các quốc gia công nghiệp mới"*[6].

Vấn đề giới (gender) và phát triển có ý nghĩa quan trọng trong việc tác động đến các định hướng phát triển hiệu quả, công bằng, bền vững đối với mỗi quốc gia-dân tộc (nói khác đi, bình đẳng giới cần được coi là một trong những mục tiêu phát triển). Quan điểm này có ý nghĩa quan trọng trong việc tìm tòi và đưa ra những cách tiếp cận mới trong việc hoạch định các chính sách, chương trình và dự án phát triển có tính đến nhu cầu của cả phụ nữ và nam giới, cũng như đặt vấn đề gắn quan hệ giới với mục tiêu, hiệu quả và lợi ích cuối cùng của sự phát triển. Cũng theo quan điểm này, nếu sự phát triển đem lại lợi ích cho cả hai giới và góp phần duy trì các quan hệ giới bình đẳng thì đó là sự phát triển có hiệu quả và bền vững đối với mỗi dân tộc và quốc gia. Cách tiếp cận này cho rằng phát triển cần được xem xét một cách hài hoà giữa kinh tế và xã hội đồng thời nhấn mạnh sự PTBV là dựa trên cơ sở công bằng và hiệu quả, do đó các chính sách cần quan tâm đến vấn đề giới. Vì vậy, việc hoạch định chính sách cần tính đến những khác biệt về điều kiện xã hội của phụ nữ và nam giới để tạo cơ hội bình đẳng về kinh tế, về tiếp cận nguồn lực và các lĩnh vực khác đối với phụ nữ và nam giới.

Ngoài ra, yêu cầu PTBV cũng đòi hỏi các quốc gia cần tập trung xây dựng chiến lược, kế hoạch, chính sách và chương trình hành động quốc gia để các nhu cầu xã hội, môi trường và kinh tế được hài hoà, cân đối. PTBV đã trở thành quan điểm chính thức của Đảng Cộng sản Việt Nam và được khẳng định trong các nghị quyết đại hội Đảng toàn quốc thời kì đổi mới, trong các chiến lược và kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội của đất nước. Đại hội XIII của Đảng xác định tiếp tục nắm vững và xử lí tốt mối quan hệ lớn giữa tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hoá, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ môi trường, phấn đấu đến năm 2030 là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao và đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao; phát triển nhanh và bền vững dựa chủ yếu vào khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số[7].

Chính sách phát triển kinh tế của Việt Nam dựa trên nguyên lí PTBV. Được khởi xướng từ năm 1986, sự nghiệp đổi mới kinh tế của Việt Nam với việc kiên trì thực hiện các chính sách chuyển đổi từ nền kinh tế kế hoạch hoá tập trung sang nền kinh tế thị

[6] Newly Industrialized Countries - NICs) - là các quốc gia đã cơ bản hoàn thành quá trình công nghiệp hoá và có sự phát triển kinh tế vượt trội so với các nước đang phát triển nhưng chưa đạt đến mức độ phát triển của các nước công nghiệp tiên tiến, như: Hàn Quốc, Đài Loan... Xem: Hoàng Kính (1999), *Kinh tế quốc tế*, tập 2, Nxb. Giáo dục, tr. 66.

[7] Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), tlđd, tr. 119, 206, 214.

trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa nước ta *"vừa vận động theo những quy luật của kinh tế thị trường, vừa được dẫn dắt, chi phối bởi các nguyên tắc và bản chất của chủ nghĩa xã hội"*[8]. Đặc trưng cơ bản và thuộc tính quan trọng của định hướng xã hội chủ nghĩa trong kinh tế thị trường Việt Nam là phải gắn kinh tế với xã hội, thống nhất chính sách kinh tế với chính sách xã hội, tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội: *"Gắn kết chặt chẽ, hài hoà giữa phát triển kinh tế với phát triển văn hoá và thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, nâng cao đời sống của nhân dân"*[9]; *"Thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội ngay trong từng bước và từng chính sách phát triển; tăng trưởng kinh tế đi đôi với phát triển văn hoá, y tế, giáo dục.., giải quyết tốt vấn đề xã hội vì mục tiêu phát triển con người"*[10]. Một yêu cầu có tính nguyên tắc để đảm bảo sự phát triển lành mạnh, bền vững theo định hướng xã hội chủ nghĩa là không chờ đến khi kinh tế đạt tới trình độ phát triển cao rồi mới thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, càng không hi sinh tiến bộ và công bằng xã hội để chạy theo tăng trưởng kinh tế đơn thuần. Trái lại, mỗi chính sách kinh tế đều phải hướng tới mục tiêu phát triển xã hội, mỗi chính sách xã hội phải nhằm tạo ra động lực thúc đẩy phát triển kinh tế; khuyến khích làm giàu hợp pháp đi đôi với xoá đói, giảm nghèo bền vững, chăm sóc những người có công, những người có hoàn cảnh khó khăn.

Môi trường là một trong ba trụ cột của PTBV. Môi trường bao gồm *"các yếu tố vật chất tự nhiên và nhân tạo quan hệ mật thiết với nhau, bao quanh con người, có ảnh hưởng đến đời sống, kinh tế, xã hội, sự tồn tại, phát triển của con người, sinh vật và tự nhiên"* (Điều 3 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020). Khi coi giới tự nhiên là thân thể vô cơ của con người và con người là một bộ phận của giới tự nhiên, C. Mác đã xác lập mối quan hệ hài hoà và sự thống nhất giữa con người với tự nhiên[11]. Môi trường và phát triển cũng có mối quan hệ chặt chẽ với nhau: Môi trường là địa bàn và nền tảng của sự phát triển và phát triển là nguyên nhân tạo nên các biến đổi môi trường. PTBV môi trường là cơ sở để PTBV kinh tế, nâng cao chất lượng sống của người dân và đảm bảo sự ổn định, thuận lợi cho thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. Ngược lại, phát triển kinh tế là cơ sở để đảm bảo cho phát triển văn hoá-xã hội và tạo điều kiện cho cải thiện, bảo vệ môi trường, nâng cao chất lượng cuộc sống. Điều đó cho phép khẳng định: Môi trường tự nhiên nói chung (tài nguyên nói riêng) có vai trò quyết định đối với sự PTBV kinh tế-xã hội. Vì vậy, *"để thực hiện sự phát triển lâu bền, bảo vệ môi*

[8] Đảng Cộng sản Việt Nam (2011), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tr. 34.

[9] Đảng Cộng sản Việt Nam (2016), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII*, Nxb. Chính trị quốc gia - Sự thật, Hà Nội, tr. 299.

[10] Đảng Cộng sản Việt Nam (2006), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ X*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 77 - 78.

[11] Cụ thể: C. Mác cho rằng, *"giới tự nhiên... là thân thể vô cơ của con người... Con người sống bằng giới tự nhiên... con người là một bộ phận của giới tự nhiên"*, C. Mác và Ph. Ăng-ghen (1995), *Toàn tập*, tập 42, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 135.

trường nhất thiết sẽ là một bộ phận cấu thành của quá trình phát triển và không thể xem xét tách rời quá trình đó"[12].

Bảo vệ môi trường *"là hoạt động phòng ngừa, hạn chế tác động xấu đến môi trường; ứng phó sự cố môi trường; khắc phục ô nhiễm, suy thoái môi trường, cải thiện chất lượng môi trường; sử dụng hợp lí tài nguyên thiên nhiên, đa dạng sinh học và ứng phó với biến đổi khí hậu"* (Điều 3 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020). Bảo vệ môi trường cũng được hiểu là bảo vệ chất lượng môi trường nói chung, vừa bảo vệ chất lượng của từng thành phần môi trường như đất, rừng, nguồn nước, nguồn lợi thuỷ sản, đa dạng sinh học... Ngày nay, bảo vệ môi trường đã trở thành vấn đề trọng yếu, mang tính toàn cầu, là trách nhiệm của tất cả mọi người, mọi quốc gia không phân biệt chính thể, chế độ chính trị, trình độ phát triển kinh tế-xã hội. Ở Việt Nam, bảo vệ môi trường trở thành sự nghiệp của toàn Đảng, toàn dân và là nội dung cơ bản không thể tách rời trong đường lối chủ trương, kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội của đất nước. Theo đó, mục tiêu hàng đầu của bảo vệ môi trường là bảo vệ sức khỏe của nhân dân; ưu tiên chủ động phòng ngừa và kiểm soát ô nhiễm, tập trung giải quyết các vấn đề môi trường trọng điểm, cấp bách; khắc phục ô nhiễm, suy thoái, cải thiện chất lượng môi trường, kết hợp với bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học, góp phần ứng phó với biến đổi khí hậu.

Như vậy, là một mô hình tổ chức bộ máy nhà nước thể hiện bản chất dân chủ, tôn trọng quyền con người, quyền công dân, đề cao tinh thần thượng tôn pháp luật, sự bình đẳng giữa công dân và nhà nước... việc xây dựng thành công NNPQ xã hội chủ nghĩa Việt Nam sẽ tạo môi trường chính trị-pháp lí văn minh, tiến bộ và nhân văn, từ đó sẽ phát huy dân chủ, khơi dậy và huy động sức mạnh và nguồn lực của toàn dân vào sự nghiệp xây dựng và PTBV đất nước. Pháp quyền hay NNPQ còn là tiêu chí/nguyên tắc phổ biến, quan trọng nhất trong quản trị công đương đại, trực tiếp là mô hình "quản trị tốt và phòng, chống tham nhũng" được Liên hợp quốc, Chương trình phát triển Liên hợp quốc (UNDP) và các thể chế tài chính quốc tế (đặc biệt là Ngân hàng Thế giới - WB) xem như là một điều kiện tiên quyết cho phát triển. Đó là mô hình nhằm vào giảm thiểu điểm yếu căn bản nhất mang tính cố hữu của bộ máy nhà nước là lạm quyền và lợi dụng quyền lực để tham nhũng. Cốt lõi của mô hình này là các nguyên tắc pháp quyền (rule of law) phải được tôn trọng và thể hiện đầy đủ để bảo đảm PTBV. Với ý nghĩa đó, NNPQ xã hội chủ nghĩa là tiền đề chính trị, tổ chức bộ máy và nền tảng thể chế chính trị cho PTBV; đồng thời, PTBV chính là mục tiêu của xây dựng, hoàn thiện NNPQ xã hội chủ nghĩa. Đây là hai mục tiêu và nhiệm vụ chiến lược có tác dụng bổ sung, hỗ trợ cho nhau trong tiến trình đổi mới, xây dựng và phát triển đất nước.

4. Những vấn đề pháp lí đặt ra đối với xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội ở Việt Nam trong bối cảnh phát triển bền vững

Thời gian qua, công tác xây dựng pháp luật của Việt Nam đã từng bước được củng

[12] *Các quy định pháp luật về môi trường* (1995), tập 1, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội, tr. 31.

cố và tăng cường nhằm tạo lập một khung pháp lí cơ bản phục vụ cho việc xây dựng, hoàn thiện NNPQ xã hội chủ nghĩa và PTBV của đất nước. Hệ thống pháp luật, chính sách kinh tế được xây dựng tương đối đồng bộ để điều chỉnh các vấn đề phát sinh do thực tiễn hoạt động của nền kinh tế đất nước, cơ bản phù hợp với cơ chế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Công tác xây dựng và hoàn thiện trên các lĩnh vực cơ bản được thể chế hoá kịp thời, đầy đủ, đúng đắn đường lối, chủ trương của Đảng, đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội và hội nhập quốc tế của đất nước. Hiến pháp và các văn bản pháp luật thiết lập những chế định quan trọng nhất, định hướng cho sự phát triển của nhà nước, điều chỉnh các lĩnh vực của đời sống xã hội, đảm bảo sự thống nhất giữa tăng trưởng kinh tế, ổn định, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường. Trong đó, pháp luật về phát triển kinh tế, môi trường, xoá đói giảm nghèo và vấn đề giới được coi là những lĩnh vực ưu tiên nhất làm cơ sở để thực hiện các mục tiêu và chiến lược phát triển.

Sự hình thành và phát triển của hệ thống pháp luật về kinh tế là quá trình gắn liền với việc thực hiện đường lối đổi mới từ năm 1986 do Đảng Cộng sản Việt Nam khởi xướng và lãnh đạo thực hiện. Đến nay, Việt Nam đã xây dựng được hệ thống văn bản pháp luật về kinh tế tương đối đầy đủ. Tuy còn nhiều vấn đề cần tiếp tục hoàn thiện nhưng về cơ bản đã tích cực cho việc chuyển đổi cơ chế quản lí kinh tế, thúc đẩy phát triển sản xuất, huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, tạo tích luỹ nguồn vốn cho đầu tư phát triển và nâng cao mức sống của nhân dân.

Chính sách pháp luật xoá đói giảm nghèo được xem là một thành tựu lớn của Việt Nam vì đã tạo khuôn khổ pháp lí trong việc hỗ trợ xoá đói giảm nghèo; nhiều văn bản pháp luật đã được ban hành nhằm từng bước giải quyết hiệu quả vấn đề này. Vấn đề giới là lĩnh vực được pháp luật Việt Nam quan tâm và có những quy định điều chỉnh phù hợp với điều kiện kinh tế-xã hội, văn hoá của đất nước. Mục đích của các quy định này là tạo ra khung pháp lí giúp cho phụ nữ có điều kiện phát triển và góp phần vào sự phát triển chung của xã hội. Các quyền của phụ nữ và vấn đề bình đẳng cũng được đưa vào các chính sách, Hiến pháp và các luật khác của Việt Nam. Mục tiêu phát triển giới được Nhà nước đảm bảo thông qua việc ban hành các văn bản pháp luật như: Luật Hôn nhân và gia đình, Luật Bảo vệ sức khoẻ nhân dân, Bộ luật Lao động... Ngoài ra, các văn bản dưới luật còn có những quy định cụ thể nhằm hiện thực hoá những chính sách của Nhà nước trong việc tạo điều kiện cho phụ nữ vươn lên có vị trí xứng đáng trong xã hội và cải thiện cuộc sống như: quy định về ưu đãi vay vốn cho phụ nữ nghèo, quy định về chế độ đối với các cán bộ khoa học nữ…

Cơ sở pháp lí chủ yếu của công tác bảo vệ môi trường được thể hiện trong Hiến pháp, Luật Bảo vệ môi trường và các văn bản pháp luật quan trọng đã được ban hành, tạo thành hệ thống các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Đặc biệt, Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 mở ra bước tiến mới trong việc đáp ứng yêu cầu thực tiễn PTBV nhằm giải quyết hài hoà giữa phát triển kinh tế-xã hội với bảo vệ môi trường. Tính đến thời điểm tháng 7/2024,

Việt Nam đã tham gia hơn 40 công ước quốc tế về vấn đề bảo vệ môi trường[13]. Các văn bản pháp luật đã xác định rõ bảo vệ môi trường là một bộ phận cấu thành trong hệ thống kinh tế-xã hội, quy định các nguyên tắc, chế độ pháp lí bảo vệ, khai thác, sử dụng các nguồn tài nguyên thiên nhiên; tạo cơ sở pháp lí cho hoạt động quản lí nhà nước trên cả ba mục tiêu cơ bản là tăng trưởng kinh tế, phát triển xã hội và bảo vệ môi trường.

Bên cạnh những kết quả tích cực nêu trên, Việt Nam vẫn đang đối diện với nhiều khó khăn, thách thức như: mô hình tăng trưởng vẫn chưa rõ nét; năng suất lao động tăng chủ yếu do tăng cường độ vốn; quá trình cơ cấu lại các ngành kinh tế vẫn còn nhiều hạn chế; chênh lệch mức sống và mức độ thụ hưởng các dịch vụ xã hội của người dân giữa các vùng và giữa các địa phương trong vùng còn lớn; khoa học và công nghệ chưa trở thành động lực cốt lõi của PTBV; tình trạng ô nhiễm môi trường diễn biến phức tạp tại một số địa phương, đặc biệt là các vùng có mật độ phát triển công nghiệp cao, xử lí vi phạm về môi trường còn nhiều bất cập; biến đổi khí hậu và thiên tai ảnh hưởng rất lớn đến các vùng miền. Việc triển khai thực hiện PTBV tại các ngành, các cấp vẫn chưa thực sự nghiêm túc và quyết liệt; cơ chế phối hợp giữa các bộ/ngành/địa phương và huy động sự tham gia của các bên liên quan chưa thực sự hiệu quả; nguồn lực của quốc gia còn hạn chế[14],... Mặt khác, trong những năm qua, sự lớn mạnh nhanh chóng của cơ chế thị trường cũng tạo ra những sức ép về quyền lực và trách nhiệm đối với việc quản lí môi trường, đặc biệt là: kiểm soát ô nhiễm, sự cố môi trường, an ninh nguồn nước (đặc biệt ô nhiễm do rác thải, nước thải); biến đổi khí hậu diễn biến ngày càng phức tạp, thể hiện qua các hiện tượng thiên tai bất thường, thời tiết cực đoan, hạn hán khắc nghiệt... đã trở thành những vấn đề nóng và tác động tiêu cực tới môi trường và PTBV của đất nước. Công tác quản lí môi trường còn nhiều hạn chế, do hệ thống văn bản pháp luật thiếu đồng bộ, thiếu khả thi, thiếu khả năng dự báo... Có lúc, có nơi, những nguyên tắc để bảo đảm PTBV không được tuân thủ chặt chẽ, việc bảo vệ môi trường còn bị xem nhẹ hơn so với phát triển kinh tế... Việt Nam cũng phải đối mặt với nhiều thách thức, hàng loạt mâu thuẫn nảy sinh giữa tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường có tác động mạnh tới việc thực hiện pháp luật nói chung và pháp luật môi trường nói riêng.

Pháp luật là công cụ quan trọng để quản lí môi trường, tạo ra sự phối hợp giữa phát triển kinh tế-xã hội thúc đẩy hoạt động bảo vệ môi trường và PTBV. Sự nhận thức và thực hiện tốt các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường chính là yếu tố bảo đảm

[13] Lan Anh và nhóm PV, BTV (2024), *Việt Nam kí kết và đang thực hiện hơn 40 công ước quốc tế về bảo vệ môi trường*, https://vietnamnet.vn/viet-nam-ky-ket-va-dang-thuc-hien-hon-40-cong-uoc-quoc-te-ve-bao-ve-moi-truong-2341781.html, truy cập 03/7/2024.

[14] Hồng Mây (2020), *Hoàn thiện hệ thống pháp luật để thực hiện mục tiêu phát triển bền vững*, https://moj.gov.vn/UserControls/News/pFormPrint.aspx?UrlListProcess=/qt/tintuc/Lists/ThongTinKhac&ListId=4c6dbf3e-0473-40ca-94e4-339ee75540ef&SiteId=b11f9e79-d495-439f-98e6-4bd81e36adc9&ItemID=3121&SiteRootID=b71e67e4-9250-47a7-96d6-64e9cb69ccf3, truy cập 25/9/2020.

phát triển kinh tế-xã hội bền vững không chỉ cho thế hệ hiện tại mà còn cho cả thế hệ tương lai. Tuy nhiên, hệ thống chính sách, pháp luật, các công cụ quản lí của nước ta chưa đạt hiệu quả cao: *"Chính sách của Việt Nam nằm ở vị trí gần cuối trong nhóm các nước được khảo sát và Việt Nam thuộc nhóm các nước mà chất lượng chính sách thấp so với kì vọng"*[15]. Một số thể chế pháp luật và hành chính cần thiết cho nền kinh tế thị trường vẫn chưa được quy định hay đã được quy định nhưng chưa được thực hiện nghiêm túc dẫn đến chỉ số minh bạch của môi trường kinh doanh thấp. Nội dung của pháp luật điều chỉnh các quan hệ xã hội cơ bản trong các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội, giáo dục, khoa học-công nghệ, môi trường, an ninh-quốc phòng, đối ngoại còn chưa chứa đựng đầy đủ các yếu tố PTBV. Hệ thống pháp luật hiện hành vẫn chưa đồng bộ, thiếu thống nhất; tính công khai, minh bạch còn hạn chế, tính khả thi thấp; chưa theo kịp và chưa đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế-xã hội, cho việc xây dựng NNPQ xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân; bảo vệ các quyền con người và quyền công dân, cho quá trình hội nhập quốc tế. Tính thích ứng của hệ thống pháp luật chưa thực sự đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội. Trong nhiều lĩnh vực đời sống xã hội, vẫn có nơi, có lúc có biểu hiện coi thường pháp luật; một bộ phận những người có trách nhiệm giữ gìn pháp luật lại vi phạm pháp luật. Tình hình tội phạm vẫn diễn biến phức tạp, xuất hiện nhiều thủ đoạn phạm tội mới tinh vi và cuộc đấu tranh chống vi phạm pháp luật chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ đề ra. Cải cách thủ tục hành chính vẫn chưa thực sự là động lực góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội; tổ chức bộ máy hành chính tuy đã được tinh gọn nhưng có nơi vẫn còn cồng kềnh, nhiều tầng nấc, hoạt động kém hiệu quả; chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức có nơi chưa đồng đều; một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức khi giải quyết công việc liên quan đến tổ chức và người dân chưa làm hết trách nhiệm, còn có hành vi những nhiễu, tiêu cực; việc xây dựng Chính phủ điện tử, hướng tới Chính phủ số, xã hội số còn chưa đồng bộ giữa các bộ, ngành, địa phương[16]. Pháp luật chưa khẳng định mạnh mẽ vai trò là công cụ đắc lực của nhà nước để quản lí xã hội, bảo vệ quyền làm chủ của nhân dân và đấu tranh phòng chống vi phạm pháp luật đang trở thành nhiệm vụ quan trọng, cấp bách nhằm đáp ứng yêu cầu quản lí nhà nước trong cơ chế thị trường và chương trình quốc gia phòng, chống tội phạm. Công tác tổ chức thi hành pháp luật một số lĩnh vực vẫn là khâu yếu, chưa kịp thời đáp ứng yêu cầu của công cuộc xây dựng và hoàn thiện NNPQ xã hội chủ nghĩa; trên một số lĩnh vực chế tài pháp lí chưa thực sự nghiêm khắc, vẫn còn hiện

[15] Kenichi. Ohno (2016), "Chất lượng của chính sách ngành và bẫy thu nhập trung bình: So sánh Việt Nam với các quốc gia khác", *Journal of Science*, Vol. 32, tr. 189.

[16] Phạm Thị Thanh Trà (2023), *Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính nhà nước, đáp ứng yêu cầu xây dựng nền hành chính dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, hiệu lực, hiệu quả*, https://www.tapchicongsan.org.vn/media-story/-/asset_publisher/V8hhp4dK31Gf/content/tiep-tuc-day-manh-cai-cach-hanh-chinh-nha-nuoc-dap-ung-yeu-cau-xay-dung-nen-hanh-chinh-dan-chu-chuyen-nghiep-hien-dai-hieu-luc-hieu-qua, truy cập 22/8/2023.

tượng "nhờn" luật. Công tác phổ biến, tuyên truyền giáo dục pháp luật hiệu quả chưa cao, thể chế không theo kịp sự thay đổi nhanh chóng của thế giới. Trong khi đó Cách mạng 4.0 đang làm thay đổi tất cả từ quản lí nhà nước đến các lĩnh vực trong đời sống. Để tiếp tục phục vụ xây dựng NNPQ và hội nhập quốc tế, trong thời gian tới cần hoàn thiện các quy định pháp luật để thực hiện chính phủ điện tử (chia sẻ dữ liệu, kết nối, dùng chung), kinh tế số (điều chỉnh được toàn bộ ngành nghề mới); đơn giản hoá, tránh tình trạng "lạm phát" văn bản pháp luật, đồng thời gắn kết chặt chẽ giữa xây dựng pháp luật và tổ chức thi hành pháp luật. Công tác bảo vệ môi trường ở nước ta trong giai đoạn vừa qua đạt được nhiều thành tựu quan trọng song cũng bộc lộ những bất cập và hạn chế trước yêu cầu của PTBV. Thực tế hiện nay, tăng trưởng kinh tế khiến cho tình trạng ô nhiễm môi trường ngày càng gia tăng. Để thúc đẩy kinh tế phát triển mạnh mẽ hơn nữa và tránh hiện tượng chuyển sang thời đại hậu công nghiệp hoá quá sớm, cần hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và thể chế chính trị, nỗ lực đẩy mạnh công nghiệp hoá cả chiều rộng và chiều sâu; thúc đẩy đổi mới sáng tạo; khơi dậy, phát huy mọi tiềm năng và nguồn lực, tạo động lực mới cho phát triển nhanh và bền vững của đất nước. Vì vậy, xây dựng và hoàn thiện đồng bộ thể chế PTBV là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, một đòi hỏi cấp thiết, yêu cầu khách quan của việc xây dựng và hoàn thiện NNPQ xã hội chủ nghĩa, phát huy dân chủ, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa ở nước ta hiện nay. Đặc biệt, hoàn thiện hệ thống pháp luật trong NNPQ xã hội chủ nghĩa Việt Nam trở thành yêu cầu trực tiếp để thực hiện mục tiêu PTBV. Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trước hết cần tập trung xây dựng và hoàn thiện môi trường pháp lí thuận lợi, thúc đẩy, phát triển, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, phát triển kinh tế số; hỗ trợ, khuyến khích sự ra đời của những lĩnh vực kinh tế mới, mô hình kinh doanh mới, kinh tế tuần hoàn, kinh tế chia sẻ; hoàn thiện thể chế nâng cao hiệu quả hội nhập quốc tế, xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ; nâng cao hiệu quả hoạt động doanh nghiệp; khơi thông nguồn lực thúc đẩy phát triển, tiếp tục hoàn thiện pháp luật về tổ chức bộ máy quản lí nhà nước về bảo vệ môi trường.

Dưới góc độ quản lí, NNPQ là nhà nước quản lí xã hội bằng pháp luật, trong đó, các cá nhân, tập thể, tổ chức và cơ quan công quyền đều phải tuân theo pháp luật. Phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa càng phải đề cao pháp luật, kỉ cương để đảm bảo sự lãnh đạo thống nhất từ một khung pháp lí hoàn thiện, duy trì được sự hợp tác trong cạnh tranh, đảm bảo nền kinh tế phát triển đúng định hướng và yêu cầu quản lí xã hội. Cần tiếp tục hoàn thiện hệ thống pháp luật, cơ chế chính sách theo hướng điều chỉnh, bổ sung, ban hành mới các văn bản quy phạm pháp luật nhằm đảm bảo khung pháp lí đầy đủ cho việc thực hiện các mục tiêu PTBV; nâng cao hiệu quả quản lí nhà nước về PTBV quốc gia. Lồng ghép tối đa việc thực hiện các mục tiêu PTBV trong các chính sách, chương trình hành động của các bộ/ngành/địa phương. Phát huy

vai trò của pháp luật trong góp phần phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Để góp phần thúc đẩy nền kinh tế PTBV, Việt Nam phải sớm có được một chiến lược lập pháp nhằm hoàn thiện hệ thống pháp luật nói chung và hệ thống luật kinh tế nói riêng nhằm cụ thể hoá những bước đi theo sát mục tiêu *"phấn đấu đến năm 2030 là nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao; có thể chế quản lí hiện đại, cạnh tranh, hiệu lực, hiệu quả; kinh tế phát triển năng động, nhanh và bền vững, độc lập, tự chủ trên cơ sở khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo… xây dựng xã hội phồn vinh, dân chủ, công bằng, văn minh, trật tự, kỉ cương, an toàn, bảo đảm cuộc sống bình yên, hạnh phúc của nhân dân; không ngừng nâng cao đời sống mọi mặt của nhân dân;... Phấn đấu đến năm 2045 trở thành nước phát triển, thu nhập cao"*[17].

5. Kết luận

Trong những năm qua, Việt Nam đã đạt được những kết quả đáng kể trong nhiều lĩnh vực liên quan tới xây dựng NNPQ xã hội chủ nghĩa và PTBV, song vẫn còn nhiều việc phải làm. Trong đó, yêu cầu tiên quyết đang đòi hỏi các cấp, các ngành, đặc biệt là đối với các cơ quan lập pháp tập trung xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật hoàn chỉnh để tạo lập khung pháp lí toàn diện cho chiến lược phát triển của đất nước. Yêu cầu này cũng đòi hỏi chúng ta phải nỗ lực xúc tiến công tác xây dựng hệ thống pháp luật về hoàn thiện NNPQ và PTBV, nhất là trong các lĩnh vực phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường, xoá đói giảm nghèo và vấn đề giới. Nhiệm vụ xây dựng pháp luật vừa phải đảm bảo tính toàn diện, đồng bộ, vừa phải tập trung giải quyết những vấn đề bức xúc về kinh tế, xã hội và môi trường. Quá trình này đòi hỏi chúng ta vừa phải tổng kết việc thực thi pháp luật để có những sửa đổi, bổ sung thống nhất, vừa phải nghiên cứu sớm ban hành văn bản pháp luật mới trên một số lĩnh vực đang hình thành và phát triển. Đồng thời, tiếp tục nâng cao chất lượng nghiên cứu biên soạn các dự án luật, pháp lệnh, bảo đảm tính khoa học, tính thống nhất của các văn bản. Việc nghiên cứu chuẩn bị các dự án phải tổng kết thực tiễn một cách đầy đủ, kết hợp với việc nghiên cứu vận dụng kinh nghiệm nước ngoài, có chọn lọc, phù hợp với thực tiễn và hệ thống pháp luật Việt Nam; loại dần các quy định chung, thiếu cụ thể, xây dựng các quy định dễ hiểu, dễ thực hiện, tiến tới xây dựng các đạo luật với các quy định chi tiết, đầy đủ góp phần giảm bớt việc ban hành các văn bản hướng dẫn kèm theo. Mặt khác, cần đẩy mạnh công tác nghiên cứu dư luận xã hội về việc ban hành và thực hiện luật, pháp lệnh; gắn công tác xây dựng luật, pháp lệnh với việc giám sát thi hành. Giải quyết tốt yêu cầu trên, không chỉ góp phần thực hiện mục tiêu phát triển đất nước nhanh, hiệu quả cao và bền vững mà còn hạn chế các tác động tiêu cực, góp phần đẩy lùi nguy cơ tụt hậu, tạo điều kiện thuận lợi đưa đất nước ta theo kịp các nước trong khu vực và trên thế giới./.

(Xem tiếp trang 109)

[17] Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021 - 2030*, https://tulieuvankien.dangcongsan.vn/ban-chap-hanh-trung-uong-dang/dai-hoi-dang/lan-thu-xiii/chien-luoc-phat-trien-kinh-te-xa-hoi-10-nam-2021-2030-3735, truy cập 22/02/2025.

https://cambridgesuptechlab.org/wp-content/uploads/2024/03/Cambridge-State-of-SupTech-Report-2023.pdf
7. Nghiêm Văn Bảy, Lê Đình Khải (2025), "Bàn về rủi ro sở hữu chéo của các ngân hàng thương mại và giải pháp thực hiện Luật Các tổ chức tín dụng 2024 của Việt Nam", *Tạp chí Tài chính doanh nghiệp* kì 2 tháng 08 (số 294).
8. Nguyễn Văn Phong (2024), *Hoàn thiện công tác thanh tra giám sát ngân hàng tại Việt Nam,* https://tapchikinhtetaichinh.vn/hoan-thien-cong-tac-thanh-tra-giam-sat-ngan-hang-tai-viet-nam-25037.html
9. Phạm Thị Giang Thu, Phạm Văn Tuyên (2024), "Pháp luật xử lí nợ xấu, tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu theo Luật Các tổ chức tín dụng năm 2024", *Tạp chí Luật học,* số 7.
10. PWC Việt Nam (2024), *Vietnam Banking Report 2024,* https://fiingroup.vn/upload/docs/Vietnam-Banking-Report-2024-DEMO.pdf
11. Trương Thị Đức Giang (2020), *Quản lí nợ xấu trong hoạt động tín dụng của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam,* Luận án tiến sĩ kinh tế, Trường Đại học Thương mại.
12. World Bank (2018), *Financial Sector's Cybersecurity: Regulations and Supervision,* https://documents1.worldbank.org/curated/en/686891519282121021/pdf/123655-REVISED-PUBLIC-Financial-Sectors-Cybersecurity-Final-LowRes.pdf

XÂY DỰNG, HOÀN THIỆN NHÀ NƯỚC PHÁP QUYỀN… (tiếp theo trang 25)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. C. Mác và Ph. Ăng-ghen (1995), *Toàn tập,* tập 42, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Hoàng Kính (1999), *Kinh tế quốc tế,* tập 2, Nxb. Giáo dục.
3. Josef Thesing (2002), *Nhà nước pháp quyền* (Sách tham khảo), Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
4. Kenichi. Ohno (2016), "Chất lượng của chính sách ngành và bẫy thu nhập trung bình: So sánh Việt Nam với các quốc gia khác", *Journal of Science,* Vol. 32.
5. Nguyễn Bá Dương, Trần Hậu Thành, Lê Thị Hoài Thanh (2010), *Xây dựng Nhà nước pháp quyền Xã hội chủ nghĩa Việt Nam*, Nxb. Quân đội nhân dân, Hà Nội.
6. Nguyễn Tiến Dũng, *Lịch sử Triết học phương Tây* (2006), Nxb. Thành phố Hồ Chí Minh.
7. Phạm Thị Thanh Trà (2024), *Tiếp tục đẩy mạnh cải cách hành chính nhà nước, đáp ứng yêu cầu xây dựng nền hành chính dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, hiệu lực, hiệu quả,* https://www.tapchicongsan.org.vn/media-story/-/asset_publisher/V8hhp4dK31Gf/content/tiep-tuc-day-manh-cai-cach-hanh-chinh-nha-nuoc-dap-ung-yeu-cau-xay-dung-nen-hanh-chinh-dan-chu-chuyen-nghiep-hien-dai-hieu-luc-hieu-qua
8. The World Bank (2000), *Tư duy mới về phát triển cho thế kỉ XXI* (2000), Sách tham khảo, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội.
9. Viện Khoa học xã hội Việt Nam - Viện Thông tin khoa học xã hội (1991), *Nhà nước pháp quyền và xã hội công dân,* Nxb. Hà Nội.